TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA** Số: 81/2020/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *TC, ngày 27 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST/HNGĐ, ngày 18 tháng 06 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị V- Sinh năm 1995.

Bị đơn: Anh Quàng Văn K- Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đều trú tại bản T, xã K, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào điều 212 và Điều 213; khoản 2 Điều 5; khoản 3; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 07 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị V- Sinh năm 1995 và anh Quàng Văn K- Sinh năm 1993.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Chị Lò Thị V và anh Quàng Văn K thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị V và anh Quàng Văn K có hai con chung, cháu Quàng Văn T, sinh ngày 12/4/2015 và cháu Quàng Thị Th, sinh ngày 23/8/2011.

Chị V và anh K nhất trí thỏa thuận giao cả hai cháu Quàng Văn T, sinh ngày 12/4/2015 và cháu Quàng Thị Th, sinh ngày 23/8/2011 cho anh Quàng Văn K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các cháu Quàng Văn T, sinh ngày 12/4/2015 và cháu Quàng Thị Th, sinh ngày 23/8/2011, mức cấp dưỡng mỗi tháng mỗi cháu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi cháu Quàng Văn T và cháu Quàng Thị Th đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung của hai vợ chồng: Chị Lò Thị V và anh Quàng Văn K cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Chị Lò Thị V tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ Th và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2016/0004335, ngày 18/6/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc Th.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TH PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKS ND huyện TC (2 bản);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã K, huyện TC,
tỉnh Sơn La (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Vũ Văn Nghĩa